Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Thượng — Phần 2

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

chúng ta, vì tham-sân-si là chướng ngại nặng nề, nghiêm trọng nhất; nặng nề nhất thì phải hạ thủ trước, ngày nay chúng ta chẳng thể thành tựu là vì không thể đoạn tham-sân-si. Bất luận bạn tu học như thế nào đi nữa, bạn chẳng thể bước vào cửa, làm cả đời cũng chỉ được phước báo hữu lậu. Nếu bạn chẳng tu hiếu kính, thì phước hữu lậu này sẽ chẳng hưởng ở cõi người, mà sẽ hưởng ở cõi ngạ quỷ, súc sanh, đây đều là chân tướng sự thật, chúng ta không thể không rõ ràng, không thể không minh bạch. Chữ "Bồ Tát" là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của nó thì người xưa có hai cách dịch: Thứ nhất là "Đại đạo tâm chúng sanh", đây là dịch theo lối xưa; sau này đại sư Huyền Trang dịch là "Giác Hữu Tình", chúng sanh hữu tình giác ngộ; hai cách dịch này đều tốt. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói với chúng ta, kinh Hoa Nghiêm phải nên truyền trao cho người nào? Truyền cho "đại tâm phàm phu" (phàm phu có tâm rộng lớn). Chư vị nên biết đại tâm phàm phu chính là đại đạo tâm phàm phu, tuy chẳng gọi bạn là Bồ Tát, chỉ cần bạn phát tâm rộng lớn thì bạn chính là Bồ Tát. Nếu gọi bạn là Bồ Tát thì bạn sẽ sợ: Tôi không phải Bồ Tát đâu, tôi không dám nhận! Nếu gọi bạn là "đại tâm phàm phu" thì được Tôi là phàm phu, tôi phát tâm rộng lớn được!, nào biết đại tâm phàm phu chính là Bồ Tát. Giác Hữu Tình cũng được, chúng ta là chúng sanh có cảm tình, cảm tình tức là phiền não, Hữu Tình tức là có phiền não; tuy có phiền não, nhưng đã giác ngộ rồi, như vậy cũng được. Giác ngộ rồi nghĩa là như tôi thường nói [bạn] đã chọn phương hướng chính xác rồi. Tuy chưa nhập cảnh giới Phật, nhưng tâm, hạnh, phương hướng này của bạn đích thật là phương hướng dẫn đến thành Phật, góc độ chẳng sai; giống như hàng hải, hàng không vậy, la bàn chúng ta đặt đúng hướng rồi, tuy chưa nhìn thấy bờ bên kia, nhưng biết chắc nhất định sẽ tới bờ bên kia. Đó là ý nghĩa của "Bồ Tát". Bồ Tát là người, muôn vàn xin đừng hiểu lầm, Bồ Tát chẳng phải Thần, chẳng phải Tiên, Bồ Tát là Người. Nếu nói dễ hiểu hơn một chút, Bồ Tát là một người minh bạch, phàm phu là một người hồ đồ, như vậy thì mọi người đều dễ hiểu. Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật đều rõ ràng, minh bạch, biết nghiệp nhân quả báo của nó, chúng ta thường gọi là nhân duyên quả báo, như vậy thì bạn được xưng là Bồ Tát. Nếu bạn chẳng hiểu, đối người, đối sự, đối vật đều chẳng hiểu rõ, chẳng hiểu là việc gì, như vậy thì gọi là phàm phu. Danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát chúng ta giới thiệu đơn giản đến đây thôi. Phía sau còn hai chữ Bổn Nguyện. Bổn là căn bản, nghĩa ở đây là

Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 23

nói nguyện này của Ngài chẳng phải đời này mới phát. Chúng ta biết rằng hết thảy chúng sanh đều có đời quá khứ và cũng có đời vị lai, thế nên gọi là ba đời. Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện này trong đời trước, trước quá khứ còn có quá khứ, quá khứ vô thỉ, vô thỉ kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều phát nguyện này, chúng ta gọi nguyện này là Bổn Nguyện. Thế nên nguyện này là có căn bản, chẳng phải chỉ phát trong đời này mà thôi. Nguyện là một thứ hy vọng, hy cầu; hy vọng, hy cầu này có thể được thỏa mãn thì gọi là Nguyện. Nếu nói sâu thêm, Bổn chính là chân như bổn tánh, còn Nguyện là từ bổn tánh phát sanh ra, đây mới là ý nghĩa chân chánh của Bổn Nguyện trong pháp Đại

Thừa. Bồ Tát như trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân đại sĩ, đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã đoạn dứt hết rồi. Có câu phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đích thật khế nhập vào cảnh giới của quả vị Như Lai, tuy chẳng khế nhập sâu vào, nhưng cũng đã vào, đã minh tâm kiến tánh, nguyện lúc ấy phát ra từ tự tánh. Người chưa kiến tánh xây dựng tâm nguyện này từ trong Thức. Chúng ta nói có đời quá khứ, trong đời quá khứ còn đời quá khứ trước, nhiều đời nhiều kiếp đều phát nguyện này, đây là nói từ Thức Tâm; sau khi minh tâm kiến tánh thì là từ Bổn tánh, hai nghĩa này đều có thể gọi là Bổn Nguyện, ý nghĩa của Bổn Nguyện có sâu cạn khác nhau. Nhưng trong Tướng Dụng còn gần hơn. Trên Sự Tướng vô lượng kiếp qua đời đời kiếp kiếp đều có nguyện này, nguyện lực này rất mạnh, chẳng bị cảnh giới bên ngoài di động. Cho dù bị cảnh giới lay động, nó xoay về rất nhanh, nó sẽ giác ngộ, sẽ quay về, sẽ sám hối. Nếu nguyện mới phát trong đời này, hoặc trong đời trước, hai đời trước, sức mạnh của nó rất yếu, rất dễ bị ngoại cảnh mê hoặc; sau khi mê chẳng dễ quay về, chẳng biết sám hối, thế nên chúng ta biết sức mạnh của nguyện này chẳng lớn, chẳng có "bổn", nếu có bổn thì nhất định sẽ chịu quay về. Trong Quán Kinh chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo ra nhiều tội nghiệp, đến khi nhận chịu quả báo, bệnh khổ hiện tiền, tướng địa ngục hiện ra, ông có thể hối lỗi, có thể sửa đổi, như vậy nghĩa là đời quá khứ, nhiều đời kiếp trước tu hành có sức mạnh, nguyện lực của ông rất mạnh, tuy có một lúc hồ đồ, một lúc mê mất, nhưng đến lúc nguy ngập, cấp bách ông còn có thể giác ngộ. Đây là xét trên Sự Tướng. Nguyện của Pháp Thân Bồ Tát phát từ trong tự tánh, đó mới là bổn nguyện chân thật, nhất định sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Cho dù ở thời đại hiện nay, trong kinh Phật nói: "Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng", họ cũng sẽ như như chẳng động, chẳng bị ảnh

hưởng. Đây là một ý của Bổn Nguyện.

Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi chỉ nói đến đây.

Tập 02 (Số 14-12-02)

Hôm qua giảng đến Đề Kinh, giới thiệu xong "Địa Tạng Bồ Tát", hôm nay chúng ta giới thiệu "Bổn Nguyện" tiếp. Đề Mục đối với sự tu học của chúng ta quan hệ rất lớn, nhất định phải lý giải rõ ràng. Rất nhiều đồng học chẳng thể nói họ chẳng dụng công, chẳng thể nói họ không tinh tấn, tại sao không thể thành tựu? Thực sự là vì đối với kho báu tâm địa chẳng chân chánh nhận thức rõ ràng. Người thế gian thời xưa bất luận là làm nghề gì, đặc biệt là người đọc sách (có học thức), Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ; trong thế pháp chú trọng sự Lập Chí, nếu một người chẳng có chí hướng, cả đời phấn đấu nỗ lực nhưng chẳng có mục tiêu, đương nhiên sẽ chẳng có kết quả. Phật pháp nói về phát nguyện, ý nghĩa của phát nguyện giống như sự lập chí của người thế gian, nhất định phải phát thệ nguyện rộng lớn. Tại sao chúng ta phát nguyện chẳng nổi? Đạo lý này chẳng khó hiểu. Trong kinh Phật thường ra tỷ dụ, thí dụ như thực vật, tại sao hạt giống chẳng thể nảy mầm, chẳng thể sanh trưởng? Vì hạt giống này chẳng được gieo vào đất. Chúng ta để hạt giống trên bàn, trong tách trà, thì nó vĩnh viễn sẽ chẳng nảy mầm,

chẳng lớn lên. Thế nên nguyện nhất định phải có chỗ nương tựa, nương tựa cái gì? Nương tựa đại địa, nương vào tâm địa. Tâm địa chẳng sáng tỏ, nguyện làm sao có thể sanh ra? Nhất định có đạo lý. Cây cối nhất định phải nương vào đại địa mới có thể mọc rễ, mập mạp, ra hoa kết trái. Đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát đều xây dựng từ tâm địa, thế nên hai chữ Địa Tạng rất quan trọng. Tại sao nói tu học Đại Thừa phải bắt đầu từ "Địa Tạng"? Tâm nguyện của bạn được kiến lập từ Địa Tạng, "Hạnh" của bạn cũng kiến lập từ Địa Tạng. Trong tâm địa hàm chứa vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, thì bạn mới phát huy được. Nếu chẳng rõ tâm địa vốn sẵn đủ kho báu đức năng, dù cho bạn khổ tu như thế nào cũng chẳng thành tựu. Nguyện ở đây là hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm ví tín tâm như hạt giống, rất có đạo lý. Bạn chẳng tin thì nguyện của bạn sanh từ đâu? Nguyện xưng là Bổn Nguyện, hôm trước có nói sơ lược với quý vị. Bổn có hai nghĩa: Trên Sự thì vô lượng kiếp vừa qua, đời nào cũng đã từng phát nguyện như vậy, phát nguyện rồi tại sao vẫn chẳng thành

tựu? Nguyện đã phát rồi, nhưng chẳng phát từ tâm địa, chẳng phát từ chân tâm bổn tánh. Phát từ đâu? Phát từ tâm ý thức, phát từ vọng tâm; vọng tâm là tâm sanh diệt nên nguyện ấy của bạn sẽ diệt. Nếu phát từ chân tâm thì nguyện ấy sẽ chẳng diệt, chân tâm chẳng sanh chẳng diệt, nguyện này phát xong sẽ chẳng thoái chuyển; phát từ vọng tâm sẽ thoái chuyển. Duyên tiêu mất thì nguyện sẽ mất luôn, đời này lại sanh đến cõi người, lại gặp được Phật pháp, lôi kéo nguyện lúc trước trở lại, là chuyện như vậy, thế nên mới gọi là Bổn Nguyện, ý này cạn cợt. Ý tứ sâu thêm một tầng, Bổn chính là chân như bổn tánh, từ chân như bổn tánh phát đại nguyện thì gọi là Bổn Nguyện. Chư vị nên biết nếu thực sự là phát đại nguyện từ chân như bổn tánh, bạn sẽ chẳng là phàm phu, mà là Pháp Thân đại sĩ như nói trong kinh Hoa Nghiêm. Vì bạn biết dùng chân tâm, dùng vọng tâm là phàm phu, dùng chân tâm là Bồ Tát. Các bạn đều đã học Bách Pháp Minh Môn, một khóa học trong Pháp Tướng Duy Thức nhập môn. Trong Bách Pháp Minh Môn nói đến: "Đồng Sanh Tánh, Dị Sanh Tánh", hai thứ này đều là là ý nghĩa của chữ Bổn này. Dị Sanh Tánh tức là dùng vọng tâm, Dị tức là chẳng giống nhau, chẳng giống Phật, Bồ Tát, dùng tâm chẳng giống; Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, bạn dùng vọng tâm, bạn khác với Phật, Bồ Tát nên gọi là Dị Sanh Tánh. Ai là Dị Sanh Tánh? Thập pháp giới đều là Dị Sanh Tánh. Đừng nói lục đạo phàm phu, [ngay cả] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật trong thập pháp giới, Tạng Giáo Phật và Thông Giáo Phật nói trong tông Thiên Thai đều là Dị Sanh Tánh. Ai là Đồng Sanh Tánh? "Đồng Sanh Tánh" dùng tâm giống chư Phật Như Lai. Nếu dùng lời của Tướng Tông để nói thì: "Chuyển Tám Thức thành Bốn Trí", đây tức là dùng chân tâm, đó chính là Đồng Sanh Tánh. Đồng là tương đồng với chư Phật, Như Lai, dùng tâm giống với tâm Phật, dùng chân tâm. Tâm Phật ví như trăng ngày rằm, nếu bạn biết dùng Đồng Sanh Tánh thì bạn cũng ví như trăng khuyết ngày mồng hai, mồng ba. Ánh sáng trăng khuyết tuy chẳng giống như ánh trăng tròn, nhưng đều là chân thật, đều là ánh trăng thực sự, chẳng phải giả. "Dị Sanh Tánh", người xưa ví như ánh trăng trong mặt nước, có bóng dáng của mặt trăng, đó gọi là Dị Sanh Tánh, nó chẳng giống, chẳng phải thật. Tuy là trăng khuyết, như Sơ Trụ Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát đúng là giống như trăng khuyết, đến Thập Hạnh, Thập Hồi

Hướng, Thập Địa, dần dần tăng thêm ánh sáng, đến quả địa Như Lai thì là trăng tròn, tất cả đều dùng chân tâm. Xây dựng lòng tin từ chân tâm, từ chân tâm phát ra đại nguyện, đó chính là Bổn Nguyện. Người xưa nói nguyện lực như vậy

vượt qua được khảo nghiệm, mưa to gió lớn gì họ cũng chẳng bị lay động; bất luận cảnh thuận, cảnh nghịch gì họ nhất định đều chẳng bị cảnh giới lay động. Tại sao vậy? Nguyện của họ từ chân tâm phát ra, họ nương dựa vào chân tâm. Nếu chẳng dựa vào chân tâm, mà là nguyện phát từ vọng tâm, nguyện lực ấy chẳng mạnh, rất yếu, rất dễ bị cảnh giới lay chuyển, rất dễ mê mất phương hướng, việc này chúng ta nhất định phải biết. Chân tâm cũng giống như đại địa, trí huệ đức năng vốn sẵn có đầy đủ trong chân tâm ví như căn (rễ), lập nguyện tức là bổn (gốc). Sau đó sự hành trì của bạn, chúng ta gọi là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác ví như cành cây, nhánh cây, hoa lá, quả trái, tự nhiên sẽ sum xuê, thế nên nguyện phải phát từ chân tâm. Chân tâm tuyệt đối phải khẳng định kho báu tâm địa của mình, cùng thập phương chư Phật Như Lai không hai không khác, bạn phải khẳng định. Từ chỗ này kiến lập lòng tin, từ chỗ này phát ra đại nguyện. Tuy chúng ta từ kinh giáo biết được chuyện này, nhưng trong đời sống vọng tâm vẫn làm chủ như thường, một vọng thì hết thảy đều vọng, không thể nói tâm tôi phát, nguyện tôi phát là chân thật, những thứ khác trong sinh hoạt là vọng, chẳng có đạo lý này, một chân thì hết thảy đều chân, một vọng thì hết thảy đều vọng. Do đó có thể biết chúng ta trong đời sống hằng ngày phải sửa đổi những tập khí hư vọng, nếu không dụng công ở những chỗ này thì chẳng gọi là tu hành, đó là giả, tu giả chẳng phải chân tu. Chân tu chẳng phải chỉ có Tông Môn mới chú trọng đề xướng tu từ căn bản, cho nên Thiền Tông thành tựu nhanh chóng, căn bản là tâm địa, Giáo Hạ đâu có lý nào ngoại lệ, Tịnh Tông cũng chẳng ngoại lệ. Trong Tịnh Tông nếu dùng chân tâm tu, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ, sẽ chẳng sanh Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Nhưng Tịnh Tông đích thực là một pháp môn phương tiện, bất cứ tông phái khác, bất cứ pháp môn khác nếu chẳng dùng chân tâm thì nhất định chẳng thể thành tựu. Nhưng lợi điểm của Tịnh Tông là ở chỗ này, vọng tâm cũng có thể sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ, việc này cho chúng ta tiện lợi rất lớn. Nếu những người chưa đoạn dứt phiền não tập khí có thể y chiếu đạo lý phương pháp nói trong kinh điển của Tịnh Tông mà tu học cũng có thể thành công, cũng có thể vãng sanh, đây là điểm vô cùng thù thắng của Tịnh Tông. Thế nên phát nguyện, bạn căn cứ vào gì để phát, bạn phát từ đâu? Chúng ta không thể không biết. Chúng ta phải thực hiện trong Sự Tướng, trong Sự Tướng có thông, có biệt. Thông nghĩa là cộng đồng,

chung, đại nguyện chung của hết thảy Bồ Tát, hết thảy chư Phật, đây chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện, Tứ Hoằng Thệ Nguyện là Thông Nguyện (nguyện chung). Nguyện này xây dựng từ đâu? Phát sanh từ đâu? Từ Bát Nhã và Từ Bi trong tự tánh, nếu bạn chẳng có trí huệ bạn chẳng phát nổi, chẳng có từ bi cũng phát không nổi. Vì có trí huệ, có từ bi, khi nhìn thấy chúng sanh khổ, đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, đọa lạc trong sáu

nẻo lưu chuyển từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng có cách chi thoát ly. Phật, Bồ Tát nhìn thấy nên phát nguyện "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ", nguyện này là phát từ chỗ này. Trong Tứ Đế thì y theo Khổ Đế mà phát, chúng ta phát nguyện có phát từ đây không? Chúng sanh thời nay khổ hơn thời xưa không biết là gấp bao nhiêu lần. Những người chẳng giác ngộ, tâm tư của họ ngu muội, quán sát thế pháp đều hàm hồ lộn xộn, đều nhìn không rõ. Khoa học kỹ thuật chỉ đem lại một số tiện nghi trong sinh hoạt chúng ta, mọi phương tiện âm thanh, ánh sáng, hóa chất, điện khí ngày nay, thời xưa chẳng có, nhưng bạn có nghĩ đến những tiện nghi mà chúng ta hưởng được từ khoa học kỹ thuật, chúng ta phải trả giá bao lớn! Nếu bạn tư duy kỹ càng thì giống như lời người xưa nói: Cái được chẳng bù nổi cái mất. Chúng ta đạt được sự thọ dụng rất ít, thời gian rất ngắn ngủi, chúng ta phải trả với giá rất đắt, chẳng sánh bằng được. Nói cách khác, chúng ta nói rõ hơn, kéo dài thời gian chúng ta chịu khổ trong lục đạo, tăng thêm đau khổ trong lục đạo, bạn nói có đáng hay không? Tại sao lại có hiện tượng này? Đời sống văn minh vật chất này tăng trưởng tham-sân-si- mạn của chúng ta, chẳng sánh bằng thời xưa; sinh hoạt thời xưa thì ý niệm tham-sân-si-mạn của phần đông người ta cũng có nhưng ít hơn hiện nay. Nói cách khác, thời gian luân hồi của họ có thể rút ngắn, chịu khổ trong lục đạo có thể giảm nhẹ, ngày nay chúng ta chẳng vậy. Không cần nói chi xa, chỉ nửa thế kỷ về trước đâu có nghe người ta nói địa cầu bị bệnh, hoàn cảnh sinh thái chẳng cân bằng, chẳng nghe nói chuyện này; không khí ô nhiễm, hoàn cảnh ô nhiễm cũng chẳng nghe đến. Năm mươi năm trước, một trăm năm trước chẳng có! Đâu có những danh từ này. Hiện nay khoa học kỹ thuật có thể nói là mỗi ngày, mỗi tháng đều tiến bộ hơn trước, nhưng đem lại tai hại chẳng tưởng tượng nổi. Nếu những khoa học gia này tự nhiên giác ngộ tai hại này quá lớn, tôi nghĩ họ sẽ chấm dứt những khoa học kỹ thuật này, chẳng phát triển nữa, chẳng làm nữa. Một người đầu óc sáng suốt, bình tĩnh mới có thể quán sát ra những điều này. Thế nên chúng sanh khổ, văn minh vật chất tuy là tiến

bộ, đời sống chúng sanh còn khổ hơn lúc trước. Trên phương diện hưởng thụ vật chất có một chút tiện nghi, nhưng đau khổ trên tinh thần ai cũng chẳng tránh khỏi. Trong xã hội ngày nay, quý vị có rất nhiều của cải, có địa vị rất cao vẫn không thể tránh khỏi [đau khổ về mặt tinh thần]; đâu được sống nhàn nhã tự tại như người thời cổ! Chúng ta đọc trong cổ văn rất nhiều, những người làm quan thời xưa, làm thủ trưởng địa phương, công việc của người lãnh đạo chẳng bận lắm, mỗi ngày làm một hai giờ thì xong công việc, thời gian còn lại đọc sách, viết văn, hội họa, đi chơi đó đây, sống cuộc đời tình thơ ý họa. Đâu như con người ngày nay phải tranh thủ từng giây từng phút, đời sống này thái quá, quá khẩn trương, quá đau khổ. Hiểu rõ chân tướng sự thật thì còn chịu đầu thai đến nhân gian hay không? Họ sẽ chẳng chịu đến. Người giác ngộ chỉ có Phật và Bồ Tát đến, đến để cứu độ những chúng sanh khổ nạn này, nói thật ra, nguyện này trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện mới gọi là Bổn Nguyện. Muốn phát nguyện độ chúng sanh, tự mình nhất định phải làm gương mẫu, làm mô phạm cho chúng sanh, đó là đức hạnh. Tại sao chúng sanh thọ khổ? Vì phiền não chẳng đoạn, Kiến Tư phiền não ngày càng gia tăng, ngày càng nhiều thêm, quả báo của việc này sẽ chẳng thể nghĩ

tưởng nổi. Thế nên Phật, Bồ Tát phải làm một gương tốt, đoạn phiền não. Người thế gian phạm lỗi lầm, chẳng biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tăng trưởng tham-sân-si-mạn, không từ chối bất cứ thủ đoạn gì để làm chuyện hại người lợi mình, chẳng biết định luật nhân quả. Người thế gian thường nói "hại người lợi mình", thật ra câu này sai lầm, vẫn chưa hiểu chân tướng sự thật; nếu hiểu chân tướng sự thật thì chúng ta phải biết chẳng có đạo lý này. Hại người nhất định sẽ chẳng lợi mình, chỉ có lợi người thì mới lợi mình, đó mới là đạo lý nhất định, làm tổn hại cho người làm sao lợi mình được? Nhưng họ mê hoặc điên đảo, cứ tưởng lợi ích của mình nhất định phải xây dựng trên sự tổn thất của người khác thì mình mới được lợi, đây là vọng tưởng, tạo tội nghiệp cực nặng. Thế nên chúng ta phải phổ biến Liễu Phàm Tứ Huấn cho họ đọc, cho họ biết mỗi chúng sanh "một miếng ăn một hớp nước đều đã định sẵn", nếu bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đoạt được thì đó là trong số mạng của bạn đã có sẵn. Nếu trong số mạng của bạn chẳng có, bạn đi giựt người ta thử coi giựt được hay không? Nếu trong mạng của bạn chẳng có thì chưa ra tay đã bị cảnh sát bắt rồi. Nói cách khác tất cả những gì bạn có thể trộm được, cướp được, hoặc chiếm được đều đã có sẵn trong số mạng, chẳng cần những thủ đoạn này cũng có được, đâu cần phải cực khổ làm như vậy! Thế nên người sáng suốt thường nói "Quân

tử vui làm người quân tử, tiểu nhân oán trách làm tiểu nhân", câu này nói phước báo cả đời là do đời trước tu được, trong số mạng của bạn có phước báo này, bất cứ sức mạnh nào cũng chẳng ngăn được, bạn nhất định sẽ được, sẽ chẳng mất, đâu cần làm những thủ đoạn không chính đáng này, làm vậy là sai rồi! Chư Phật, Bồ Tát làm gương tốt nhất cho chúng sanh trong thế gian, bạn dùng thủ đoạn chẳng chính đáng để đạt được, các Ngài dùng phương pháp chính đáng cũng được vậy. Tại sao phải làm những chuyện hại mình hại người này! Tại sao không làm thêm những chuyện lợi mình lợi người! Phật, Bồ Tát làm như vậy nên mới có nguyện thứ hai: "Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn". Quan trọng nhất là đoạn cho người khác thấy, nhất định phải làm một gương tốt cho xã hội đại chúng, kiến lập đức hạnh của mình mới được quảng đại quần chúng kính ngưỡng. Bạn có đạo đức thì họ mới chịu học theo bạn, khi bạn khuyên răn thì họ mới nghe; nếu đức hạnh của mình có khiếm khuyết thì dù lời của bạn có hay, có tốt cách mấy, người ta nghe xong cũng sẽ hoài nghi, chẳng thể tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận. Thế nên chưa độ chúng sanh trước hết phải thị hiện đức tướng. Tiêu chuẩn của đức hạnh chẳng nhất định, phải coi hoàn cảnh hiện tiền, thời đại ngày nay, phần đông chúng sanh trong khu vực này phạm những lỗi lầm gì? Dựa trên những vấn đề này mà hạ thủ thì mới có thể đạt được hiệu quả. Hiện nay chúng sanh tâm tham nặng, ham muốn danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, Bồ Tát thị hiện thì đầu tiên phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, xả bỏ ngũ dục lục trần, phải bắt đầu từ chỗ này, đó gọi là tự lợi và lợi tha, thành tựu cho mình, cảm hóa chúng sanh. Nếu chỉ giảng kinh thuyết pháp, tự mình không thể thực hành, người ta nghe xong sẽ có nghi hoặc: Bạn nói giỏi như vậy nhưng tại sao không làm? Nói cách khác thì bạn sẽ chẳng đạt được hiệu quả độ chúng sanh. Thế nên phải tự mình làm được, phải làm trước khi nói thì lúc bạn nói, người ta mới không dị nghị. Thấp hơn thì nói trước rồi sau đó mới làm, phải thực hiện. Hiện nay

chúng sanh phiền não nặng, mất gốc, nhà Nho cũng hiểu "Gốc được lập, đạo sẽ sanh"7, quên mất bổn, như vậy làm sao được? Bổn là gì? Địa Tạng Bổn Nguyện, Bổn là "hiếu thuận cha mẹ, phụng sự sư trưởng", đó là Bổn. Thế nên chúng ta phải đề xướng Hiếu đạo, phải đề xướng "Tri ân báo ân", chẳng phải chỉ nói nơi miệng mà thôi, chúng

7 Nguyên văn: Bổn lập nhi đạo sanh. Giới Thiệu Đề Kink - Biệt Đề - Tập 2 30

ta phải làm được. Quan hệ giữa người với người hiện đại chỉ nhìn thấy lợi hại, hôm nay đối với tôi có lợi thì chúng ta là bạn bè, tôi cung kính bạn, nịnh hót bạn, ngày mai hết lợi rồi thì biến thành người xa lạ, chẳng quen biết. Nếu có xung đột quyền lợi thì sẽ là người thù địch, đây là xã hội gì vậy? Nếu muốn xã hội này không loạn, không thể nào được! Đề xướng hiếu đạo, đề xướng kỷ niệm tổ tiên, hiện nay trong Phật môn còn làm, Thanh Minh cúng tổ tiên, Trung Nguyên, Đông Chí cúng tổ tiên, một năm có ba ngày cúng tế tổ tiên, đề xướng Hiếu đạo. Cả đời tôi phước mỏng, đời trước chẳng tu phước, như nhà Phật nói "tu huệ chẳng tu phước", nhưng tôi cũng chưa đến nỗi "La Hán trì bình bát trống không", tôi chưa đến nỗi này, vẫn còn miễn cưỡng có thể duy trì no ấm. Nếu tôi có phước báo to lớn, nói cho chư vị biết tôi sẽ chẳng xây chùa chiền, tôi sẽ xây Từ Đường đề xướng Hiếu đạo. Tôi nói lời này đã mấy chục năm, hy vọng xây Từ Đường, xây Tông Từ trăm họ, mỗi năm vào ba ngày lễ này cử hành tế lễ long trọng, trong đó tuyên dương Hiếu Thân. Hiện nay tế lễ hoàn toàn trở thành hình thức, rất đáng tiếc. Thí dụ vào dịp Thanh Minh, Trung Nguyên, Đông Chí chúng ta cúng tổ tiên, đáng lý phải kéo dài bảy ngày. Vài ngày đầu là để giảng giải Hiếu đạo, biểu dương Hiếu đạo, ngày cuối mới cử hành nghi lễ, như vậy mới có ý nghĩa. Nếu chỉ làm trên hình thức đầy đủ, còn Hiếu là gì? Ý nghĩa của Hiếu ở đâu? Không biết, như vậy rất khó đạt được hiệu quả. Quốc gia chúng ta chọn ngày khánh đản của Khổng Tử làm lễ Giáo Sư, đây là để kỷ niệm thầy giáo, mỗi năm một ngày. Phàm là tế lễ đều phải bảy ngày, để nói rõ tại sao phải tu hiếu đạo? Tại sao phải coi trọng sư đạo? Nói rõ cho đại chúng biết thì buổi tế lễ này mới có ý nghĩa, mới chẳng đến nỗi chỉ là hình thức mà thôi. Cho đến những nghi thức bình thường trong nhà Phật chúng ta, thí dụ Tịnh Tông Học Hội thành lập xong, Quán Trưởng đề xướng Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, nên chúng ta giảng kỹ về Tam Thời Hệ Niệm. Trước khi cử hành Tam Thời Hệ Niệm nhất định phải giảng rõ Tam Thời Hệ Niệm. Muốn lạy Lương Hoàng Sám nhất định phải giảng Lương Hoàng Sám rõ ràng từ đầu đến cuối, minh bạch, rõ ràng; sau đó khi mọi người bái sám thì cái tâm ấy mới tương ứng, mới có thể đạt được hiệu quả. Nếu đối với Lý, Sự, cảnh giới trong ấy cái gì cũng không biết, chỉ y theo mô thức ấy mà làm thì sẽ chẳng đạt được hiệu quả. Thế nên pháp sám hối này của người xưa đích thật là có công dụng chẳng thể nghĩ bàn; người hiện đại chúng ta tu pháp sám hối này chẳng được hiệu quả là vì lý do này. Nếu ai cũng hiểu rõ những lý luận, cảnh giới này thì không cần phải giảng giải, chỉ

Giới Thiệu Đề Kink - Biệt Đề - Tập 2 31

làm nghi thức này thôi cũng được! Người hiện đại ai nấy đều không biết, đối với những nghi thức này đều chẳng hiểu vì vậy nhất định phải lên lớp học trước. Pháp thế gian và xuất thế gian đều xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, nhà Nho Trung Quốc dùng Hiếu đạo làm cơ sở, Lục Kinh là cước chú của Hiếu Kinh. Cùng một đạo lý, Đại Thừa Phật

pháp cũng được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, có thể nói hết thảy pháp của Thế Tôn giảng suốt bốn mươi chín năm đều là chú giải cho kinh Địa Tạng. Nếu chư vị thực sự có thể thâm nhập thì sẽ thể hội được ý nghĩa này. Hai nguyện này kiến lập từ quán sát Tứ Đế. Có thể quán sát Tứ Đế là Trí Huệ, có thể phát khởi nguyện này là Từ Bi; Trí Huệ và Từ Bi đều xứng tánh, xây dựng từ tánh địa, đây gọi là Bổn Nguyện. Cũng giống như Bồ Tát, Bồ Tát dùng cái gì để giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui? Bồ Tát dùng Đạo, dùng Diệt. Đạo này, chư Phật Như Lai quá khứ cũng là phàm phu, các Ngài đều từ phàm phu tu tập thành công; chư Phật Như Lai từ phàm phu tu thành Phật đạo, con đường này, đạo lộ này là con đường thành Phật (Thành Phật chi đạo). Các Ngài làm thế nào để tu thành công? Đem kinh nghiệm của họ, phương pháp của họ truyền trao cho những phàm phu còn chưa phát tâm, phàm phu còn mê hoặc điên đảo này, thế nên "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Trước hết Bồ Tát phải làm gương tu học cho mọi người xem, nói với mọi người đây là con đường chánh, đây là chân lý, đây là hưởng thụ cao nhất của đời người, bạn phải làm cho họ giác ngộ, làm cho họ cùng bạn học tập. Bắt đầu học từ đâu? Từ Hiếu thân Tôn sư, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng ngoại lệ. Thế gian hiện nay Hiếu đạo chẳng được đề xướng, từ từ sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị quên mất. Sư đạo xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo, họ chẳng biết Hiếu đạo thì làm sao biết đến Sư đạo? Đây là chuyện không thể xảy ra. Thế nên ngày nay chúng ta thấy học sinh không tôn trọng thầy giáo cũng chẳng lạ lùng gì, nếu bạn trách mắng các em thì bạn sai rồi. Xem việc chẳng hiếu cha mẹ, chẳng kính sư trưởng như một hiện tượng bình thường, hiện đại là thời đại như vậy. Nếu thấy một người biết Hiếu thân Tôn sư thì đó là chẳng bình thường, nói cách khác thì đó chẳng phải là người phàm. Ai dạy người ấy? Chẳng có người dạy, người đó tự biết, đó không phải là người tái lai thì là người gì? Người ấy chẳng phải phàm phu, nói cách khác đây là Phật, Bồ Tát tái lai ứng hóa đến, phàm phu nhất định sẽ chẳng làm nổi. Phàm phu khi bạn dạy họ, họ còn không thể tiếp nhận thì làm sao tự động làm nổi!

Giới Thiệu Đề Kink - Biệt Đề - Tập 2 32

Ngày nay chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đến thế gian này là vì lòng đại từ mẫn, không những bạn không kính trọng họ, mà còn hủy báng, chà đạp, sỉ nhục họ, đây đều là [hoàn cảnh] sóng to gió lớn, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong đó vẫn như như chẳng động, tại sao vậy? Bổn Nguyện của các Ngài là từ chân tâm bổn tánh kiến lập nên. Bất luận bạn chà đạp như thế nào, Phật, Bồ Tát thị hiện đến cuối cùng, sẽ có một ngày bạn giác ngộ, bạn sẽ hối lỗi, việc này phải dùng thời gian dài để cảm hóa chúng sanh. Phật, Bồ Tát biết hết thảy chúng sanh nhất định sẽ được cảm hóa, nhưng vì nghiệp chướng, tập khí của họ quá nặng, chẳng thể trong thời gian ngắn giác ngộ được, cần phải có một thời gian dài, cần được dạy dỗ liên tục không ngừng, thì họ mới cảm động, mới chịu quay về. Sau đó mới hết lòng nỗ lực học tập, đạt đến mức có thể tiếp nối huệ mạng của Phật, giúp đỡ chúng sanh, thành tựu mục tiêu giáo học của chúng sanh. Bốn chữ "Hiếu Thân Tôn Sư" là tánh đức, đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh. Nếu bạn minh tâm kiến tánh, bạn nhất định sẽ làm được viên mãn; nếu bạn làm không được là vì bạn chưa kiến tánh, bạn còn mê hoặc điên đảo. Duy chỉ có tánh đức mới có thể khai phát tự tánh, làm thế nào mới có thể minh tâm kiến tánh? Nhất định phải tánh tu mới có thể kiến tánh,

người hiện đại tu học đến kiến tánh rất khó. Lão pháp sư Đàm Hư trong cuốn Niệm Phật Luận nói cả đời Ngài chưa từng thấy người minh tâm kiến tánh, không những chưa thấy qua mà cũng chưa hề nghe đến. Ngài nói Ngài đã gặp những người tham thiền đạt được thiền định. Tham thiền đạt được thiền định thì quả báo sẽ sanh đến Tứ Thiền thiên, việc này đã là siêu lắm rồi nhưng vẫn chưa xuất tam giới. Tham thiền phải minh tâm kiến tánh mới xuất tam giới nổi. Nếu chẳng minh tâm kiến tánh, thì chẳng thể xuất tam giới. Đây là lời của Ngài nói, trong thời đại chúng ta hiện nay tham thiền chẳng bằng niệm Phật, niệm Phật có thể đới nghiệp vãng sanh, vãng sanh là thoát khỏi tam giới; không những thoát tam giới, mà còn thoát khỏi thập pháp giới. Ngài là Tổ sư tông Thiên Thai, Ngài niệm Phật vãng sanh, lúc vãng sanh ngồi mà ra đi, rất hiếm có. Lịch đại tổ sư tông Thiên Thai niệm Phật vãng sanh rất nhiều, đại khái là chịu ảnh hưởng của đại sư Trí Giả, đại sư Trí Giả niệm Phật vãng sanh. Những tổ sư về sau đều niệm Phật, tuy tu Chỉ Quán nhưng chẳng xả niệm Phật, thực sự đắc lực vẫn là niệm Phật. Nhưng tu học Chỉ Quán có thể nâng cao phẩm vị vãng sanh, đây là sự thật. Người xưa thường nói "Thiền Tịnh song tu", tông Thiên Thai đích thật là như vậy, thật là Thiền Tịnh song tu. Thế nên Hiếu đạo rất trọng yếu, rất quan trọng! Lúc trước trong

các buổi giảng chúng ta thường nói chữ Hiếu này, cái phù hiệu này đại biểu cho chân tâm bổn tánh của chúng ta. Chỗ hoàn mỹ của chữ Trung Quốc trên thế giới rất hiếm thấy, hình tướng của chữ này là hội ý, để cho bạn nhìn thấy chữ liền thể hội được ý nghĩa trong ấy, ý nghĩa của phù hiệu này. Trong chữ Hiếu phía trên là chữ Lão, phía dưới là chữ Tử (con), hai chữ này gộp lại thành chữ Hiếu; thuyết minh đời trước và đời sau cùng một thể, bổn ý của chữ Hiếu là ở chỗ này. Trên đời trước còn có đời trước nữa, quá khứ vô thỉ; sau đời sau còn có đời sau nữa, vị lai vô chung; vô thỉ vô chung là một thể, đây là nói theo chiều dọc. Có chiều dọc thì đương nhiên có chiều ngang, thế nên phù hiệu này trên thực tế tiêu biểu cho cái gì? Trong Phật pháp có câu: "Dọc cùng khắp ba đời, ngang trọn khắp thập phương"8. Thập phương, tam tế là một chẳng phải hai, nói cách khác, thập phương tam tế là chính mình, đây chẳng phải là Pháp Thân nói trong Phật pháp hay sao! Pháp thân tức là thập phương, tam tế đều là một, chẳng là hai. Chữ Hiếu này trong Phật pháp tức là Pháp Thân Lý Thể, thế và xuất thế gian hết thảy các pháp đều từ cái thể tánh này, đều là từ hiếu sanh ra, nếu không hiếu thì làm sao được! Hiếu tức là nhất tâm, hiếu tức là nhất chân, hiếu tức là pháp giới, chúng ta là người tu học Đại Thừa không thể không hiểu vấn đề này. Thế nên tu học dùng nó làm căn bản, làm cơ sở, từ đó sanh ra đại từ, đại bi, tức là pháp môn Quán Âm. Mọi người biết Quán Âm thiên thủ thiên nhãn, ngàn tay ngàn mắt này tiêu biểu cho cái gì? Tiêu biểu cho "mắt tới, thì tay tới". Nhìn thấy chúng sanh có khổ thì lập tức giúp đỡ họ, thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho ý nghĩa này. Quán Thế Âm Bồ Tát thiên thủ thiên nhãn, Văn Thù Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Phổ Hiền Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn hay không? Ở hai bên Phật đường của chúng ta cúng Văn Thù, Phổ Hiền đều là thiên thủ thiên nhãn, Địa Tạng Bồ Tát cũng thiên thủ thiên nhãn, bất cứ một tôn Phật, Bồ Tát nào đều là thiên thủ thiên nhãn. Thiên thủ thiên nhãn tiêu biểu cho "mắt tới thì tay tới", tiêu biểu cho ý nghĩa này, chẳng phải là một ngàn cái tay, một ngàn mắt, thật

ra chính là người thế gian chúng ta thường nói hai tay vạn năng, quán sát nhập vi hai tay vạn năng, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Đây là để cho chúng ta trong đời sống sinh hoạt phải nên học theo. Đối với chúng sanh, mục tiêu chung cực của sự giúp đỡ chúng sanh, phần đông nói mục tiêu có ba thứ. Mục tiêu thấp nhất là giải quyết

8 Nguyên văn: Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương. Giới Thiệu Đề Kink - Biệt Đề - Tập 2 34

khó khăn trước mắt của chúng sanh, giúp họ đời này có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn, đây là mục tiêu gần, bậc thấp nhất. Mục tiêu tầng giữa là giúp cho họ đời sau vẫn còn được phước, không thể nói đời này hưởng phước, đời sau đọa tam ác đạo, như vậy là rất đáng thương, rất sai lầm. Đời này hưởng phước, đời sau tiếp tục vẫn phải hưởng phước, càng hy vọng đời sau phước báo lớn hơn đời này một chút, thù thắng hơn một chút, đây là mục tiêu tầng giữa. Mục tiêu cao nhất của việc độ chúng sanh là giúp cho họ chứng được Vô Thượng Bồ Đề viên mãn, nói cách khác, giúp họ thành Phật, mục tiêu này mới thực sự đạt đến viên mãn. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, tại sao đặc biệt tán thán pháp môn Tịnh Độ, ba mục tiêu nói trên đều hàm nhiếp trong pháp môn Tịnh Độ, thật ra phải nói đây là đại viên mãn. Thế nên hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật, tôn Ngài là "Ánh sáng tôn quý nhất, vua trong các vị Phật", tức là Ngài giáo hóa chúng sanh, độ chúng sanh, ba mục tiêu đều viên mãn. Vả lại đích thật Tịnh Tông dạy người kiến lập trên cơ sở của hiếu kính. Tịnh Nghiệp Tam Phước dạy trong Quán Kinh, vừa mở đầu liền dạy chúng ta "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng". Người thời xưa hiểu được cho nên làm cha mẹ dạy con cái thì việc nào quan trọng nhất? Tôn sư trọng đạo, chẳng dạy gì khác. Thầy giáo dạy học sinh bài học quan trọng nhất là "Hiếu thuận cha mẹ". Thế nên một đứa trẻ từ nhỏ tiếp thu sự giáo dục như vậy, tập từ nhỏ thì sẽ thành thói quen9, tưới tẩm, dạy dỗ từ nhỏ, trong tâm địa của nó, trong A Lại Da Thức của nó mọc gốc rễ vững chắc, vĩnh viễn chẳng thay đổi, nó có thể tận hiếu. Hiếu bao gồm hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, ở đây chẳng thể nói kỹ. Ở nhà có thể hiếu cha mẹ, thương yêu anh em, đây là "Đễ", có thể báo ân quốc gia tức là "Trung". Thế nên tám đức: "Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ", Hiếu là căn bản, bảy đức còn lại đều là Hiếu biểu hiện trên các Sự Tướng khác nhau rồi lập nên danh tướng, chứ thật ra chỉ là một chữ Hiếu mà thôi. Tam Học, Tứ Nhiếp, Lục Độ trong Phật pháp, vô lượng vô biên pháp môn chỉ là một chữ Hiếu, chánh pháp thế gian và xuất thế gian nhất định được xây dựng trên cơ sở của Hiếu đạo. Khi xây dựng một đạo tràng, đại chúng cùng nhau tu tập, tại sao bộ kinh đầu tiên phải giảng là kinh Địa Tạng? Cơ sở vật chất của đạo tràng tức là phòng ốc, thiết bị đã xây xong, cơ sở vật chất xây xong thì phải xây cơ sở tinh thần, tức là xây

9 Nguyên văn: Thiếu thành nhược thiên tánh. Giới Thiệu Đề Kink - Biệt Đề - Tập 2 35

dựng tâm lý. Tâm chánh thì hạnh chánh, sẽ tương ứng với đạo, tương ứng với tâm tánh, với chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Chỗ đặc biệt thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, Hiếu đạo bắt đầu làm từ chỗ độ mẫu thân, trong thế gian người thân mật nhất là mẹ, người cha còn kém một chút. Một đứa bé ra đời từng giờ từng phút không rời lòng mẹ. Trong kinh này chúng ta thấy Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát tức

là người tu học pháp môn Địa Tạng này, Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải chỉ có một vị mà thôi. Phàm những ai tu học Hiếu Thân Tôn Sư đều là Địa Tạng Bồ Tát, phàm những ai tu học Từ Bi cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn đều là Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Chúng ta phải một đời đầy đủ hết thảy [hạnh] Bồ Tát thì mới viên thành Phật đạo, đây tức là ý nghĩa chân chánh của "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Chúng ta phải học sự "Hiếu Kính" của Địa Tạng, học "Từ Bi" của Quán Âm, học "Trí Huệ" của Văn Thù, ngày nay chúng ta nói đến lý trí, phải học "Lạc Thực" (biến thành hiện thực) của Phổ Hiền Bồ Tát, đây không phải là một thân đầy đủ bốn đại Bồ Tát ư. Tứ Đại Bồ Tát nếu phân tích kỹ nữa tức là vô lượng vô biên hết thảy Bồ Tát, đây tức là Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Từ chỗ này chư vị chắc cũng thể hội được kinh Hoa Nghiêm, kinh điển Tịnh Tông hay nói "một tức là hết thảy", một pháp môn nhất định hàm nhiếp hết thảy pháp môn. Địa Tạng hiếu kính, trong hiếu kính đương nhiên có từ bi, trong hiếu kính có lý trí, hiếu kính lạc thực, một Địa Tạng tức là đầy đủ Quán Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, không phải đều đầy đủ hết ư! Phổ Hiền Bồ Tát thực tiễn, trong thực tiễn nhất định phải có hiếu hạnh, nhất định phải có từ bi, nhất định có trí huệ, có phải là một Bồ Tát đầy đủ hết thảy Bồ Tát chăng! Thế nên mới nói "một là hết thảy, hết thảy là một", pháp pháp viên dung, pháp pháp vô ngại, như vậy bạn mới biết Phật pháp thật chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên chúng ta ở đây thấy Ngài vì mẫu thân phát tâm, việc này thân thiết hơn bất cứ việc gì khác. Dạy cho chúng ta làm sao sanh khởi tâm hiếu thuận? Độ mẹ. Mẹ đối với chúng ta có ân đức lớn lao như vậy, bất luận chúng ta ở phương diện nào, ở lúc nào, niệm niệm chẳng quên. Niệm niệm chẳng quên trong tâm vì muốn báo ân mẹ không những chúng ta không thể làm việc sai quấy, ngay cả một tâm niệm ác cũng chẳng thể sanh lên, tại sao vậy? Có lỗi với mẹ, đó chẳng phải là kỳ vọng của mẹ đối với con. Mỗi năm cử hành một buổi tế lễ, đó là đề xướng Hiếu đạo, phát triển Hiếu đạo, dụng ý là ở chỗ này, là để làm lợi lạc cho người khác. "Niệm niệm đều đoạn

ác, niệm niệm đều tu thiện", đây là vì cái tâm hiếu đối với mẹ ràng buộc chúng ta nhất định phải làm như vậy. Bạn xem sức mạnh của chữ Hiếu này bao lớn! Thúc đẩy chúng ta trên đường Bồ Đề luôn luôn tinh tấn, chẳng giải đãi. Từ chỗ hiếu đối với mẹ liên tưởng đến vị thầy dạy dỗ chúng ta, chẳng có thầy thì làm sao chúng ta hiểu được hiếu đạo, thế nên ân đức của thầy giáo chẳng thể quên. Cụ Phác viết bốn chữ "Tri ân báo ân", Thế Tôn nói bốn chữ này trong kinh Đại Bát Nhã, là pháp môn tu học của Nhị Địa Bồ Tát. Trong kinh Đại Bát Nhã, Nhị Địa Bồ Tát có tám khoa mục tu học chính, "Tri ân báo ân" là một trong tám khoa mục này. Trong thời đại ngày nay đặc biệt đáng được đề xướng, xã hội hiện nay người vong ân bội nghĩa rất nhiều, vong ân bội nghĩa là tội hạnh, là lỗi lầm, khổ báo; tri ân báo ân là chánh hạnh, Bồ Tát hạnh, quả báo là lạc báo (quả báo vui sướng), chẳng giống nhau. Ngày nay xã hội đại chúng phạm những lỗi lầm gì, chúng ta phải lấy những lỗi này để tìm cách chỉ dạy, giúp đỡ họ, như vậy mới đúng. Vì mẹ mà phát nguyện, như vậy rất thân thiết, cách giáo học này làm cho chúng ta thể hội được trí huệ cao độ của Thế Tôn, viên mãn trí huệ, thiện xảo phương tiện đạt đến mức cùng cực, làm cho chúng ta nghe đến, tiếp xúc đến, chẳng thể chẳng tin,

không thể không học. Hết thảy những thiện pháp, những thiện hạnh đều từ hiếu thuận mẫu thân, cứu độ mẫu thân mà nảy sanh, đây thật là căn bản. Chánh hạnh của chúng ta trên đường Bồ Đề, thành tựu càng thù thắng thì sự hiếu kính mẫu thân càng viên mãn. Thế nên tôi thường nói chỉ có một người đạt đến mức hiếu đạo viên mãn, thành Phật; Phật quả trong Viên giáo, đạt đến cứu cánh viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiếu đạo còn khiếm khuyết một phần. Tại sao chúng ta phát tâm độ chúng sanh? Tại sao phát tâm đoạn phiền não? Tại sao phát tâm học pháp môn, thành Phật đạo? Vì báo ân mẹ. Nếu chúng ta chẳng làm vậy thì có lỗi đối với cha mẹ, đặc biệt là đối với mẹ. Chánh giáo đại pháp của Như Lai kiến lập trên cơ sở này, thế nên "tứ hoằng thệ nguyện" là nguyện chung, bổn nguyện của hết thảy chư Phật Như Lai. Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt dùng "bi tâm vô cùng" hướng về khổ nạn chúng sanh, chúng sanh chịu khổ nạn càng nhiều, thì bi tâm của Bồ Tát càng nặng, thế nên trong kinh xưng Ngài là "Vĩnh viễn làm U Minh giáo chủ". U Minh là địa ngục, thệ nguyện của Bồ Tát "Địa ngục chưa trống không, thề chẳng thành Phật", bi tâm đạt đến cùng cực. Chỗ khổ nạn ở Địa Ngục này, những người thông thường

chẳng chịu đến, người ta không chịu đến nhưng Ngài đến; người khác chẳng chịu thọ nhận khổ nạn nhưng Ngài chịu nhận. Vào địa ngục thì trước hết phải hiện thân đồng loại với họ, nếu chẳng hiện thân đồng loại thì làm sao có thể dạy dỗ chúng sanh! Phải tu hạnh đồng loại, chúng sanh trong địa ngục chịu những sự khổ đó, Bồ Tát trong đó cũng phải thị hiện chịu đựng những sự khổ ấy, chẳng được đặc thù, chẳng thể ngoại lệ, như vậy mới có thể cảm hóa chúng sanh trong địa ngục [để họ có thể] giác ngộ, sám hối, quay về. Thế nên nhẫn chịu khổ, chịu nạn, đại từ đại bi, đây là Bổn Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, người tu học Đại Thừa sơ phát tâm như chúng ta phải học Địa Tạng Bồ Tát. Hôm qua tôi nhắc chư vị chữ U Minh còn có một nghĩa khác là "hạ mình thấp xuống", vĩnh viễn ở vị trí thấp hơn người khác, hết lòng nỗ lực tu học giáo hóa chúng sanh, danh văn lợi dưỡng hết thảy hưởng thụ đều dâng hiến cho người khác, tự mình vĩnh viễn ở nơi thấp kém, đây là ý nghĩa của U Minh. Biệt đề của Đề Kinh giới thiệu đến đây chấm dứt.

b. THÔNG ĐỀ

Phía sau có chữ Kinh, Kinh là Thông Đề. Hết thảy pháp của chư Phật Như Lai nói, chúng ta đều tôn xưng là Kinh. Cách xưng hô này là thuận theo tập quán của người Trung Quốc, lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đối với lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền đều xưng là "Kinh". Như nhà Nho có "Thập Tam Kinh", Đạo gia Lão Tử tôn xưng "Đạo Đức Kinh", Trang Tử tôn xưng "Nam Hoa Kinh", đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền đều xưng hô như vậy. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc tôn kính Phật pháp, nên cũng xưng là kinh điển. Căn cứ vào sự giải thích trong kinh điển, nguyên văn của Phạn văn gọi là "tu-đa-la". Nghĩa của tu-đa-la vốn là sợi chỉ, vì thời xưa kinh Phật được viết trên lá Bối, viết xong khoét lỗ ở hai đầu rồi dùng dây xỏ lại, thế nên mới gọi là tuyến (chỉ). Người Trung Quốc chẳng tôn kính chữ Tuyến này mà tôn xưng là Kinh. Chữ "tu-đa-la" thông thường có

năm nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là “Dũng Tuyền”, giống như nước suối từ mặt đất vọt ra, đây là lấy cái ý: Nghĩa thú của Phật nói ra không cùng tận; chúng ta hiện nay gọi là “rất có sức nhiếp thọ” (lôi cuốn), càng đọc càng có mùi vị. Chẳng giống như văn tự của thế gian, nếu chư vị coi báo, tạp chí, coi một lần thì không muốn coi thêm lần thứ hai, tại sao? Coi xong một lần thì mùi vị hết rồi, chẳng còn nữa, mùi vị rất lợt lạt,

chẳng nồng. Những tác phẩm văn học hay, mọi người đều thích xem, thích đọc, nhưng đọc đến mười lần, hai mươi lần, ba mươi lần thì chẳng muốn đọc nữa, mùi vị của những cuốn này nồng hơn báo chí, tạp chí rất nhiều, nồng đến mức bạn có thể coi mười mấy lần, mấy chục lần. Nhưng kinh điển thì không như vậy, mùi vị của kinh điển vĩnh viễn chẳng bao giờ phai lạt, chúng ta có thể so sánh. Những tác phẩm văn học trứ danh ở Trung Quốc, bốn tiểu thuyết lớn: Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, đây là bốn tiểu thuyết văn nghệ trứ danh của Trung Quốc, bạn có thể coi mấy lần? Coi mười lần, hai mươi lần thì sẽ chẳng muốn coi nữa. Nói cho chư vị biết tôi coi qua mười lần, hai mươi lần, đó là lúc tôi còn đi học. Cuốn sách dầy như vậy tôi nói với các bạn đồng học, cuốn sách này tôi coi từ đầu đến cuối lâu lắm là một tuần. Từ lớp bốn tiểu học tôi bắt đầu coi tiểu thuyết văn nghệ cổ điển Trung Quốc, tôi coi đến lớp một sơ trung (nghĩa là lớp sáu ngày nay) thì không coi nữa, những thứ này hết mùi vị rồi. Nhưng Tứ Thư, Ngũ Kinh, Cổ Văn bạn coi từ tiểu học đến lúc râu tóc bạc phơ vẫn còn mùi vị, vẫn còn hấp dẫn, chẳng giống tiểu thuyết, ý vị vô cùng tận. Mùi vị của kinh Phật còn nồng hơn nhiều, nếu chư vị có thể khế nhập vào kinh điển Đại Thừa của Phật, thì sẽ chẳng coi điển tịch thế gian nữa. Trước kia lúc mới học, đối với Tâm Lý Học rất hứng thú, tôi tìm được rất nhiều tác phẩm trứ danh của Trung Quốc, ngoại quốc, nhưng chưa coi hết. Sau này tiếp xúc đến Phật pháp, tiếp xúc đến Pháp Tướng Duy Thức trong Phật pháp, coi xong rồi so sánh hết thảy Tâm Lý Học trên thế giới với Pháp Tướng Duy Thức, thua xa. Mùi vị của Phật pháp nồng hậu, giống như nước suối vọt ra từ lòng đất. Ý nghĩa thứ hai là “Xuất Sanh”, có thể sanh hết thảy thiện pháp vi diệu. Thế nên đọc kinh Phật xong, tâm của bạn sẽ thiện, hạnh của bạn sẽ thiện, tự nhiên sẽ thiện, dẫn dắt tánh đức của bạn hiển lộ, cái thiện này chẳng phải học mới có. Ý nghĩa thứ ba là “Thằng Mặc”, thằng mặc dùng lời nói hiện nay là tiêu chuẩn, là tiêu chuẩn quyết định giữa chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Thằng mặc là thí dụ, đại khái ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn, thợ mộc lúc cưa cây dùng một sợi dây đen có phết mực gạch lằn, sau đó cưa theo lằn mực này; hiện nay người Âu Tây chẳng dùng vật dụng này, ý nghĩa của nó là tiêu chuẩn. Ý nghĩa thứ tư là “Hiển Thị”, có thể hiển thị chân lý. Ý nghĩa thứ năm là “Kết Man”, kết man nghĩa là thông suốt (quán

xuyên) chư pháp, dùng cách nói của chúng ta hiện nay tức là khoa phán, cách học chương cú; tổ chức văn tự của nó từ thỉ đến chung một mạch tiếp nối, mạch lạc có thứ tự, là ý nghĩa này. Văn tự kết cấu nghiêm chỉnh, tư tưởng thể hệ rất rõ ràng. Tu-đa-la có năm ý nghĩa trên đây. Còn có nhiều ý nghĩa, như đại sư Thanh Lương trong kinh Hoa Nghiêm đã nói hết mười ý nghĩa, Hoa Nghiêm dùng số mười tượng trưng cho viên

mãn. Chúng ta thường giải thích ý nghĩa của kinh hơn phân nửa đều dùng bốn chữ "Quán - Nhiếp - Thường - Pháp" để giải thích, phổ biến cũng giảng được rất hoàn hảo. "Quán" tức là quán xuyên, có nghĩa như kết man, cách thuyết pháp của Phật rất điều lý, thứ tự, mạch lạc, đây là cách học khoa phán. Giới học thuật ở Trung Quốc thời kỳ sau này có môn học chương cú, thật ra cách học chương cú tức là cách học khoa phán biến đổi từ kinh Phật, Phật pháp ảnh hưởng rất sâu đậm đối với giới học thuật Trung Quốc. Cách phanh âm (phiên âm) cũng học từ chữ cái trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là ý nghĩa của chữ Quán. "Nhiếp" nghĩa là nhiếp thọ, tức là ý nghĩa "dũng tuyền" nói ở phía trước, trong đó mùi vị vô cùng tận, có thể nhiếp thọ nhân tâm, làm cho bạn tiếp xúc đến, đọc đến muốn bỏ xuống cũng không được, bạn sẽ hoan hỷ phi thường, nó có sức mạnh như vậy. Vả lại pháp vị này vĩnh viễn chẳng suy thoái, càng thâm nhập thì càng nồng hậu, đây là điều mà bất cứ sách vở nào trong thế gian đều chẳng làm được, kinh có sức nhiếp thọ vô cùng nồng hậu như vậy. "Thường" nghĩa là lý luận và phương pháp nói trong kinh vĩnh viễn chẳng thay đổi, siêu việt thời gian và không gian. Ba ngàn năm trước tuân theo lý luận và phương pháp này tu học có thể thành tựu, hiện nay ba ngàn năm sau, người hiện đại dùng những phương pháp, lý luận này cũng có thể thành tựu, siêu việt thời gian. Thời xưa người Ấn Độ dùng phương pháp này có thể thành tựu, hiện nay người Trung Quốc dùng phương pháp này cũng có thể thành tựu, siêu việt không gian. Những tác phẩm siêu việt thời gian và không gian là chân lý. "Pháp" tức là pháp tắc, quy củ, y chiếu theo phương pháp tu hành, thì bạn nhất định thành công. Kinh điển đầy đủ bốn ý nghĩa "Quán-Nhiếp-Thường-Pháp". Chúng ta giới thiệu Đề Kinh đến đây chấm dứt, đề mục của kinh này nói gộp lại là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Chúng ta y theo lý luận và phương pháp trong kinh này tu học, thành tựu pháp môn Địa Tạng cho mình. Dùng cái này làm cơ sở mới có thể xây dựng hết thảy Phật pháp Đại Thừa, xây dựng phương pháp của Tịnh Tông; lìa khỏi cơ sở này, nói cho chư vị biết bất luận Phật pháp gì

cũng chẳng thể xây dựng. Hết thảy pháp Đại Thừa, pháp môn Tịnh Độ được kiến lập trên cơ sở này, rời khỏi cơ sở này thì chẳng có Phật pháp, điểm này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Thế nên chân chánh học Phật, hy vọng mình có thể thành tựu trong đời này thì chẳng thể chẳng coi trọng pháp môn này, không thể không hết lòng tu học. Cổ đức trước khi giảng kinh còn phần Huyền Nghĩa, lý luận trong đó cũng mỹ mãn phi thường, vì thời gian có hạn nên chúng ta phải lược bớt phần này, hình như trước kia tôi cũng có giảng qua. Có lưu lại băng thâu âm hay không tôi cũng không nhớ rõ, để lại rất nhiều tài liệu, nếu có thì chư vị có thể tìm để tham khảo.

c. NHÂN ĐỀ

Kế tiếp chúng ta xem Nhân Đề, tức là người phiên dịch kinh này. Đời Đường, người nước Vu Điền, Tam Tạng Sa Môn Thật Xoa Nan Đà (Siksananda, 652-710) dịch. Trong kinh Phật, người phiên dịch rất quan trọng, [ghi rõ tên người dịch] là để cho chúng ta sanh khởi tín tâm. Kinh Phật được dịch từ Phạn văn của Ấn Độ, là những lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói lúc Ngài còn tại thế. Nói rõ kinh chẳng phải ngụy tạo, chẳng

phải do “giá cơ phù loan”, chẳng phải thần tiên giáng xuống [nói ra], những thứ này không thể làm cho người ta tin được. Chuyện phù loan này, lúc tôi còn nhỏ hình như lúc học tiểu học, ở Phước Kiến, tôi thấy ở Phước Kiến phong tục phù loan rất thịnh, thấy cách làm của họ tôi có thể tin. Vì người phù loan, phù loan trên cát, cũng rất cầu kỳ. Loan bút, cũng gọi là phù cơ, gọi là cơ bút; họ khắc một đầu rồng, lúc lưỡi của rồng hạ xuống tức là cán bút. Dùng một cái nia (cái sàng) xúc nhỏ, trang hoàng rất đẹp. Người phù loan hơn phân nửa là những người ngoài đường gánh nước, bán củi, lúc đó vào trước thời kỳ kháng chiến, phần đông nhà người ta không có nước máy [từ ống dẫn nước đến từng nhà], phải mua nước, có người chuyên môn gánh nước đi bán, những người này không biết chữ; cṇ n có những người bán củi nữa. Họ không có học, mù chữ, cứ tùy tiện tìm những người này ngoài đường, nhờ họ đến để phù loan. Cho nên chúng ta đứng kế bên đều nhận ra được những chữ viết trên mặt cát, họ viết rất ngay ngắn, chẳng viết tháo tí nào, từng nét từng nét viết ra, đại khái từ nửa giờ đến một giờ có thể viết ra mấy chục chữ, xong rồi người ta chép những chữ này lại. Tôi rất tin chuyện này, vì bản thân họ chẳng biết chữ, đặc biệt là chẳng phải người cố định, tùy tiện tìm đến, tôi rất

tin. Còn ở Đài Loan nhìn thấy những sự phù loan ấy thì tôi chẳng tin. Tại sao? Người phù loan là một người cố định, vả lại bàn cơ này vừa chuyển động thì những chữ trong ấy chúng tôi coi một chữ cũng không nhận ra. Còn trong vòng nửa giờ miệng họ đọc ra cả một, hai ngàn chữ, thế nên thấy [họ làm] như vậy tôi không tin. Đại khái đó là ngụy tạo, chẳng phải thật. Kinh Phật chẳng phải những loan bút của quỷ thần viết ra, đích thật là từ Phạn văn Ấn Độ phiên dịch thành. Thế nên có ghi năm phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, có người phiên dịch, đủ để chứng minh tánh chất chân thật của kinh. Trong đề này, “người dịch”, triều đại là đại biểu cho thời gian, đây là đời Đường, thời đại đời Đường. Pháp sư phiên dịch chúng ta cũng phải biết. Thời xưa công việc dịch kinh chẳng do một người làm, Dịch Trường là cơ cấu, nơi chốn dịch kinh, do quốc gia xây dựng. Người tham gia công tác phiên dịch này rất nhiều, công việc phân phối rất kỹ càng. Người dịch là người chịu trách nhiệm ở Dịch Trường, giống như viện trưởng Viện Dịch Kinh, hết thảy kinh dịch ra đều dùng tên của người này, người này chịu trách nhiệm; giống như vị trưởng quan trong một cơ quan, những người làm công tác [phiên dịch] có thể là người dưới quyền của vị này. Trong ấy có rất nhiều pháp sư, cư sĩ tham gia công tác dịch kinh; khi kinh được dịch xong, dùng tên của người này vì họ chịu trách nhiệm. Cũng như tổ chức trong chánh phủ, trưởng quan trong chánh phủ, một người thị trưởng ký những văn kiện, thông cáo, những thứ này đều do thơ ký, nhân viên, khoa trưởng soạn ra bản thảo, ông thị trưởng này coi xong, chấp thuận, đóng dấu, ghi tên của ông ta, ông chịu trách nhiệm. Chúng ta phải hiểu việc này, không nhất định là do ông ta phiên dịch. Vị pháp sư này là người nước Vu Điền (Khotan), Vu Điền hiện nay là Tân Cương, vào đời Đường là một nước nhỏ ở Tây Vực. Chỗ này nói rõ quê quán của pháp sư, ông là người nước đó, ông xuất hiện vào thời nào; Đường là đại biểu cho thời đại, Vu Điền là quê quán của ông. “Tạm Tạng Sa Môn” là đại biểu cho trình độ học vấn của pháp sư. Thông thường được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, lão nhân

gia khách khí chẳng dám xưng pháp sư, chỉ xưng là Sa Môn. Sa môn là một danh từ xưng hô rất khiêm tốn, dùng ngôn ngữ hiện nay tức là “học sinh”, vẫn còn đang học tập, chẳng dám xưng là Sư (thầy), chỉ xưng là học sinh, địa vị bình đẳng với mọi người, mọi người đều là đồng học. “Tam Tạng” chữ này nhất định phải ghi ra, nếu chẳng thông đạt Tam Tạng thì không có tư cách dịch kinh, pháp sư dịch kinh nhất định phải thông đạt Tam

Giới Thiệu Đề Kinh: Nhân Đề - Tập 2 42

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.